BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN:
ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (ĐOẠN TỪ BCH QUÂN SỰ HUYỆN ĐẾN ĐT295), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số ...-QĐ-UBND ngày ...../11/2023 của ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất theo bản đồ đo đạc năm 2019					Nguồn gốc đất *(thông tin thửa đất theo GCN, HSĐC, giấy tờ khác...)*				Diện tích thu hồi (m^2)				Diện tích đất đã thu hồi và BT, HT tại các QĐ khác (m^2)	Giấy tờ chứng minh QSD đất *(SĐC, GCNQSD đất ...)*	Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	Số thửa phụ	Diện tích thửa đất (m^2)	Loại đất	Số Tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m^2)	Diện tích được giao	Đất giao hộ		UBND thị trấn quản lý	Tổng			
												Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*
1	Nguyễn Thị Sử - Con đẻ Nguyễn Văn Hòa - Con đẻ Nguyễn Thị Thông - Con đẻ Nguyễn Thị Minh - Con đẻ Nguyễn Văn Tạo - Con đẻ Nguyễn Thị Thúy - Con đẻ Nguyễn Văn Thanh - Con đẻ Nguyễn Thị Thoan - Con đẻ Là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Vật và bà Đặng Thị Lịch (ông Nguyễn Văn Tạo là người đại diện pháp luật theo Văn bản số 138/2022 ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn Cao Thượng)	Bậu	22	17	17-2	237,0	LUC	16	394	886	886	59,0			59,0		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 7/12/2005 thứ tự số 433	Thông báo số 125/TB-UBND
2	Nguyễn Văn Tạo	Phố Bùi	23	208		1.087,0	LUC	24	39		200	1.031,2	55,8		1.087,0		Danh sách công khai số 180/DSTB-UB	Thông báo số 344/TB-UBND; 125/TB-UBND
								24	39		824						Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 7/12/2005 thứ tự số 171	
			23	121		464,0	LUC	23	154	472	472	411,8			411,8	52,2	GCNQSD đất cấp 15/02/2012	Thông báo số 184/TB-UBND
			23	157	157-1	186,3	LUC	21	778	96,3	96,3	186,3			186,3		GCNQSD đất cấp 07/12/2005; Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	Thông báo số 184/TB-UBND

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất theo bản đồ đo đạc năm 2019					Nguồn gốc đất *(thông tin thửa đất theo GCN, HSĐC, giấy tờ khác...)*				Diện tích thu hồi (m^2)				Diện tích đất đã thu hồi và BT, HT tại các QĐ khác (m^2)	Giấy tờ chứng minh QSD đất *(SĐC, GCNQSD đất ...)*	Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	Số thửa phụ	Diện tích thửa đất (m^2)	Loại đất	Số Tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m^2)	Diện tích được giao	Đất giao hộ		UBND thị trấn quản lý	Tổng			
												Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*
					157-4			21	777	90	90						Danh sách công khai số 165/DSTB-UB	UBND
2	Nguyễn Văn Tạo	Phố Bùi	23	123		271,1	LUC	23	156 +191	571,8	211,1	270,5	0,6		271,1		GCNQSD đất cấp 06/03/2015;	Thông báo số 184/TB-UBND
			23	160	160-1	523,4	LUC				360,7	360,7			360,7		GCNQSD đất cấp 06/03/2015;	
					160-4		LUC	21	778 (781)	162,7	67	162,7			162,7		GCNQSD đất cấp 07/12/2005;	Thông báo số 184/TB-UBND
					160-3		LUC	21	778		95,7							
3	Nguyễn Văn Tạo (UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi	23		160-2	313,5	LUC	21	780	240				313,5	313,5		Hợp đồng thuê đất số 119/HĐ TĐ ngày 16/3/2023	Thông báo số 184/TB-UBND
							LUC	21	789	96								
4	Nguyễn Văn Linh Vợ: Đỗ Thị Xuyến	Bậu	23		160-5	70,0	LUC	21	787		70	70,0			70,0		Sổ địa chính 1993 trang số 42 quyển 8	Thông báo số 184/TB-UBND
5	Nguyễn Văn Hùng	Bậu	23	157	157-2	152,0	LUC	21	778	248	152	152,0			152,0		Danh sách công khai số 165/DSTB-UB	Thông báo số 184/TB-UBND
6	Nguyễn Thị Sự	Bậu			157-3	96,0	LUC	21	778		96	96,0			96,0		Danh sách công khai số 165/DSTB-UB	Thông báo số 184/TB-UBND
Tổng cộng						**3.400,3**				**2.863**	**3.621**	**2.800,2**	**56,4**	**313,5**	**3.170,1**	**52,2**		

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (ĐOẠN TỪ BCH QUÂN SỰ HUYỆN ĐI ĐT.295), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số ……../QĐ-UBND ngày ……/11/2023 của ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

TT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất thu hồi theo bản đồ đo đạc năm 2019				Diện tích thu hồi và bồi thường, hỗ trợ *(m^2)*			Bồ thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân						Hỗ trợ khi thu hồi đất UBND thị trấn quản lý *(đồng)*	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ *(đồng)*
			Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thửa đất *(m^2)*	Loại đất	Đất được giao của hộ gia đình	UBND thị trấn quản lý	Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường về đất *(52.000 đ/m^2)*	Hoa màu trên đất (9.500 đ/m2)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất *(10.000 đ/m^2)*	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi NN và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nông nghiệp *(156.000 đ/m^2)*	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích *(50% giá đất NN)*	Tổng cộng kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ *(đồng)*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Thị Sử - Con đẻ Nguyễn Văn Hòa - Con đẻ Nguyễn Thị Thông - Con đẻ Nguyễn Thị Minh - Con đẻ Nguyễn Văn Tạo - Con đẻ Nguyễn Thị Thúy - Con đẻ Nguyễn Văn Thanh - Con đẻ Nguyễn Thị Thoan - Con đẻ Là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Vật và bà Đặng Thị Lịch (ông Nguyễn Văn Tạo là người đại diện pháp luật theo Văn bản số 138/2022 ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi	22	17	237,0	LUC	59,0		59,0	3.068.000	560.500	590.000	9.204.000	-	13.422.500	-	13.422.500
2	Nguyễn Văn Tạo	Phố Bùi	23	208	1.087,0	LUC	1.087,0	-	1.087,0	56.524.000	10.326.500	10.870.000	169.572.000	-	247.292.500	-	247.292.500
			23	121	464,0	LUC	411,8	-	411,8	21.413.600	3.912.100	4.118.000	64.240.800	-	93.684.500	-	93.684.500
			23	157	186,3	LUC	186,3	-	186,3	9.687.600	1.769.850	1.863.000	29.062.800	-	42.383.250	-	42.383.250
			23	123	271,1	LUC	271,1	-	271,1	14.097.200		2.711.000	42.291.600	-	59.099.800	-	59.099.800
			23	160	523,4	LUC	360,7	-	360,7	18.756.400		3.607.000	56.269.200	-	78.632.600	-	78.632.600
						LUC	162,7	-	162,7	8.460.400		1.627.000	25.381.200	-	35.468.600	-	35.468.600

TT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất thu hồi theo bản đồ đo đạc năm 2019				Diện tích thu hồi và bồi thường, hỗ trợ *(m^2)*			Bồ thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân						Hỗ trợ khi thu hồi đất UBND thị trấn quản lý *(đồng)*	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ *(đồng)*
			Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thửa đất *(m^2)*	Loại đất	Đất được giao của hộ gia đình	UBND thị trấn quản lý	Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường về đất *(52.000 đ/m^2)*	Hoa màu trên đất (9.500 đ/m2)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất *(10.000 đ/m^2)*	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi NN và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nông nghiệp *(156.000 đ/m^2)*	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích *(50% giá đất NN)*	Tổng cộng kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ *(đồng)*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Nguyễn Văn Tạo (UBND TT Cao Thượng)	Phố Bùi	23	160	313,5	LUC	-	313,5	313,5	-				8.151.000	8.151.000	16.302.000	24.453.000
4	Nguyễn Văn Linh Vợ: Đỗ Thị Xuyến	Bậu	23	160	70,0	LUC	70,0	-	70,0	3.640.000		700.000	10.920.000	-	15.260.000	-	15.260.000
5	Nguyễn Văn Hùng	Bậu	23	157	152,0	LUC	152,0	-	152,0	7.904.000	1.444.000	1.520.000	23.712.000	-	34.580.000	-	34.580.000
6	Nguyễn Thị Sự	Bậu	23	157	96,0	LUC	96,0	-	96,0	4.992.000	912.000	960.000	14.976.000	-	21.840.000	-	21.840.000
Cộng					**3.400,3**		**2.856,6**	**313,5**	**3.170,1**	**148.543.200**	**18.924.950**	**28.566.000**	**445.629.600**	**8.151.000**	**649.814.750**	**16.302.000**	**666.116.750**

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI TRÊN 70% DIỆN TÍCH CỦA ĐỊNH XUẤT GIAO RUỘNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (ĐOẠN TỪ BCH QUÂN SỰ HUYỆN ĐẾN ĐT295), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số ……../QĐ-UBND ngày ……/11/2023 của ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	DT một định xuất (m^2)	70% của một định xuất	Diện tích thu hồi của hộ (m^2)	Diện tích thu hồi ở dự án khác (m^2)	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)	ĐVT: Đồng				Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
									Số LĐ được hỗ trợ	Số LĐ đã được hỗ trợ	Số LĐ được hỗ trợ còn lại	Mức hỗ trợ trên một lao động		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nguyễn Thị Sử - Con đẻ Nguyễn Văn Hòa - Con đẻ Nguyễn Thị Thông - Con đẻ Nguyễn Thị Minh - Con đẻ Nguyễn Văn Tạo - Con đẻ Nguyễn Thị Thúy - Con đẻ Nguyễn Văn Thanh - Con đẻ Nguyễn Thị Thoan - Con đẻ Là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Vật và bà Đặng Thị Lịch (ông Nguyễn Văn Tạo là người đại diện pháp luật theo Văn bản số 138/2022 ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi	520,0	364,0	59,0		59,0	0,16					-	
2	Nguyễn Văn Tạo	Phố Bùi	520,0	364,0	1.087,0 411,8 186,3 271,1 360,7	52,2	1.436,0	3,95	3		3	3.500.000	10.500.000	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất; Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 Nguồn gốc: Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất Nguồn gốc: Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	DT một định xuất (m^2)	70% của một định xuất	Diện tích thu hồi của hộ (m^2)	Diện tích thu hồi ở dự án khác (m^2)	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)	ĐVT: Đồng				Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
									Số LĐ được hỗ trợ	Số LĐ đã được hỗ trợ	Số LĐ được hỗ trợ còn lại	Mức hỗ trợ trên một lao động		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
					162,7									
3	Nguyễn Văn Tạo (UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi			-		-							
					-		-							
4	Nguyễn Văn Linh Vợ: Đỗ Thị Xuyến	Bậu	520,0	364,0	70,0		70,0	0,19						
5	Nguyễn Văn Hùng	Bậu	520,0	364,0	152,0		152,0	0,42						
6	Nguyễn Thị Sự	Bậu	520,0	364,0	96,0		96,0	0,26						
Cộng					**2.856,6**	**52,2**	**1.813,0**				**3**		**10.500.000**	

DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ BÀN GIAO MẶT BẰNG SỚM (KHUYẾN KHÍCH TIẾN ĐỘ)
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (ĐOẠN TỪ BCH QUÂN SỰ HUYỆN ĐI ĐT,295), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)
(Kèm theo Quyết định số ……../QĐ-UBND ngày ……/11/2023 của ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi *(m^2)*			Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân	
			Số Tờ	Số thửa	Diện tích thửa *(m^2)*		Đất giao của hộ gia đình	Đất UB quản lý	Cộng	Dự toán mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) *(40,000 đ/m^2)*	Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) *(đồng)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyễn Thị Sử - Con đẻ Nguyễn Văn Hòa - Con đẻ Nguyễn Thị Thông - Con đẻ Nguyễn Thị Minh - Con đẻ Nguyễn Văn Tạo - Con đẻ Nguyễn Thị Thúy - Con đẻ Nguyễn Văn Thanh - Con đẻ Nguyễn Thị Thoan - Con đẻ Là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Vật và bà Đặng Thị Lịch (ông Nguyễn Văn Tạo là người đại diện pháp luật theo Văn bản số 138/2022 ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi	22	17	237,0	LUC	59,0	-	59,0	2.360.000	2.360.000
2	Nguyễn Văn Tạo	Phố Bùi	23	208	1.087,0	LUC	1.087,0	-	1.087,0	43.480.000	43.480.000
			23	121	464,0	LUC	411,8	-	411,8	16.472.000	16.472.000
			23	157	186,3	LUC	186,3	-	186,3	7.452.000	7.452.000
			23	123	271,1	LUC	271,1	-	271,1	10.844.000	10.844.000
			23	160	523,4	LUC	360,7	-	360,7	14.428.000	14.428.000

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú *(Tổ dân phố)*	Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi *(m^2)*			Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân	
			Số Tờ	Số thửa	Diện tích thửa *(m^2)*		Đất giao của hộ gia đình	Đất UB quản lý	Cộng	Dự toán mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) *(40,000 đ/m^2)*	Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) *(đồng)*
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**	**(10)**	**(11)**	**(12)**
			23	160	325,4	LUC	162,7	-	162,7	6.508.000	6.508.000
3	Nguyễn Văn Tạo (UBND thị trấn Cao Thượng)	Phố Bùi	23	160	313,5	LUC	-	313,5	313,5	-	-
4	Nguyễn Văn Linh Vợ: Đỗ Thị Xuyến	Bậu	23	160	70,0	LUC	70,0	-	70,0	2.800.000	2.800.000
5	Nguyễn Văn Hùng	Bậu	23	157	152,0	LUC	152,0	-	152,0	6.080.000	6.080.000
6	Nguyễn Thị Sự	Bậu	23	157	96,0	LUC	96,0	-	96,0	3.840.000	3.840.000
Cộng					**3.400,3**	**-**	**2.856,6**	**313,5**	**3.170,1**	**114.264.000**	**114.264.000**

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN LÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, CÂY CỐI TRÊN ĐẤT THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (ĐOẠN TỪ BCH QUÂN SỰ HUYỆN ĐI ĐT295), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số ……./QĐ-UBND ngày ……/11/2023 của ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo bản đồ đo đạc năm 2012					Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ *(%)*	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
			Tờ BĐ số	Số thửa	DT thu hồi (m^2)	Loại đất								
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14
1	**Nguyễn Văn Tạo**	Phố Bùi	23	123 +160	864,5	LUC	1	**Nhà cấp IV loại 2** (độc lập, không có công trình phụ, 1 tầng mái ngói. Dài 5,7 m; rộng 3,6 m)	m^2	20,5	2.850.000	80%	46.785.600	
							2	**Nhà Bếp loại A** (KT1: dài 10,5 m; rộng 4,5 m, KT2: dài 3,5 m; rộng 3,5m)	m^2	59,5	1.280.000	80%	60.928.000	
							3	**Khu chăn nuôi loại B** (dài 2,7 m; rộng 2,5 m)	m^2	6,7	890.000		-	Quyết định số 467/QĐ-XPHC
							4	**Nhà vệ sinh loại C** (dài 2,5 m; rộng 1,5 m)	m^2	4,0	420.000	80%	1.344.000	
							5	**Giếng khoan thủ công có ống vách lọc, hút nước sâu ≤ 50 m**	m	45,0	170.000	80%	6.120.000	
							6	**Tường rào xây cay bê tông (gạch papanh), dày 130, bổ trụ** (dài 13,8 m; cao 2,1 m)	m^2	28,98	290.000		-	Quyết định số 467/QĐ-XPHC
							7	**Tường rào xây cay bê tông (gạch papanh), dày 130, bổ trụ** (Dài 141,0 m; rộng 2,5 m)	m^2	352,5	290.000	80%	81.780.000	
							8	**Cổng sắt (K**hung làm băng (ống kẽm, sắt góc,sắt hộp… phần dưới bịt tôn,phần trên chấn song bằng sắt hình, sắt tròn, hoa sắt,sơn màu. Dài 2,5 m; rộng 2,2 m)	m^2	5,5	1.060.000	80%	4.664.000	
							9	**Sân Bê tông gạch vỡ, láng vữa xi măng cát mác 150, dày 2-3cm** (Dài 5,7 m; rộng 2,5 m)	m^2	14,25	120.000	80%	1.368.000	
							10	**Nền lát gạch liên doanh KT 30x30** (Dài 5,7 m; rộng 2,5 m)	m^2	14,3	340.000	80%	3.876.000	
							11	**Nền lát gạch liên doanh KT 40x40** (Dài 2, 5 m; rộng 2,5 m)	m^2	6,3	340.000	80%	1.700.000	
							12	**Cây Ổi** ĐK gốc 11 cm ≤ Φ < 13 cm	cây	25	895.000	80%	17.900.000	
							13	**Cây Bưởi** ĐK gốc 12 cm ≤ Φ <15 cm	cây	44	2.306.000	80%	81.171.200	
							14	**Táo ĐK** gốc 12 cm ≤ Φ <15 cm	cây	3	1.805.000	80%	4.332.000	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo bản đồ đo đạc năm 2012				Loại tài sản trên đất		ĐVT	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ *(%)*	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
			Tờ BĐ số	Số thửa	DT thu hồi (m^2)	Loại đất								
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**		**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**
1	**Nguyễn Văn Tạo**	Phố Bùi	23	123 +160	864,5	LUC	15	**Chanh ĐK** gốc 2 cm ≤ Φ <5 cm	cây	1	229.000	80%	183.200	
							16	**Nhãn ĐK** tán 2 m ≤ F < 3 m	cây	3	437.000	80%	1.048.800	
							17	**Nhãn ĐK** tán 6 m ≤ F< 7 m	cây	5	2.216.000	80%	8.864.000	
2	**Nguyễn Văn Tạo** (UBND TT Cao Thượng	Phố Bùi	23	160	313,5	LUC	26	**Cây Ổi** ĐK gốc 11 cm ≤ Φ < 13 cm	cây	30	895.000	50%	13.425.000	
Tổng												**-**	**335.489.800**	

(Đối với tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi áp dụng theo công văn số 1250/SNN-KHTC ngày 29/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT.
Đối với tài sản là công công trình kiến trúc gắn liền với đất áp dụng theo Công văn số 1734/SXD-KT&VLXD ngày 30/6/2022 của Sở Xây dựng)